

# Nhân ngày Đức Phật Đản Sinh

## *suy tư về Phật Giáo*

Dưới con mắt của những người Việt Nam bình thường, sự kiện hằng trăm và trong tương lai có thể hằng ngàn tấn cá và thủy tộc bị chết phơi thây có thể chỉ là những thiệt hại về môi sinh và kinh tế. Tuy nhiên trong cái nhìn của những Phật tử thuần thành ăn chay, và nhất là giới tu sĩ Phật Giáo, thì hằng triệu, hằng tỉ cá và thủy tộc phơi thây này đều là những sinh linh trong tam giới và sự tàn sát của đảng CSVN liên kết với tư bản đồ từ Trung Quốc là một sự lạm sát chưa từng có và làm chư Bồ Tát cũng phải rơi lệ...

### I. Dẫn nhập :

*Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*

Đối với người Phật tử như chúng tôi thì ngày Phật Đản Sinh trong lòng cũng vui mừng và biết ơn như những người Công Giáo hoặc Tin Lành nhân ngày Giáng Sinh vậy. Những tôn giáo lớn như Phật Giáo, Công Giáo, Tin Lành đều chủ trương từ bi, bác ái, vị tha thay vì hận thù và đấu tranh giai cấp như chủ thuyết cộng sản.

Tuy nhiên niềm vui năm nay không trọn vẹn vì Đại Họa môi sinh

Vùng Áng đe dọa không những các loài thủy sản mà đe dọa ngay cả sự tồn vong của giống nòi Việt Tộc. Chúng ta tham dự Phật Đản cũng không quên thấp nén hương lòng, hồi hướng công đức về đồng bào tại quê nhà đang sống dưới tai ương độc tài đảng trị.

Ở Úc, tại vùng đô thị Sydney và trong cộng đồng người Việt mà thời đã có hàng chục ngôi chùa hoặc tự viện lớn nhỏ. Ngoài các ngôi chùa lớn và nổi tiếng như Pháp Bảo, Phước Huệ, Quang Minh, Thiên Ân, Trúc Lâm, Huyền Quang còn nhiều chùa hoặc tự viện nhỏ hơn khác. Thông thường Phật tử ngoài việc thăm viếng và kính Phật tại chùa "ruột" của mình, cũng thường lễ Phật tại các chùa khác.

Nhiều người không có niềm tin tôn giáo mạnh, nhưng cũng thỉnh thoảng đi chùa tham quang thắng cảnh, chụp hình lưu niệm. Các chùa Việt Nam đóng góp rất nhiều vào các thắng cảnh và nền đa văn hóa của Úc Châu.

Một trong những tai họa lớn lao của nhân loại là chủ thuyết Tam vô Mác Lê. Vô gia đình, Vô tổ quốc và Vô tôn giáo. Sự tàn phá của ý thức hệ Mác Lê trên đất nước Việt Nam trong gần một thế kỷ của lịch sử cận kim

trở thành một quốc nạn lớn lao và một phương trình chính trị nan giải.

Theo quan điểm của tôi, nếu chúng ta học theo trí tuệ vô biên và lòng từ bi vô lượng của chư Phật, chúng ta sẽ góp phần không nhỏ vào đáp án cho phương trình chính trị bí hiểm nêu trên.

Như một Phật tử thuần thành, tôi tin rằng Phật pháp vô biên và sự hiểu biết của tôi rất nông cạn. Tuy nhiên, nhân ngày lễ thiêng liêng này, cũng xin mạo muội góp ý của mình và nêu lên vài nét chính về tôn giáo của mình, như một trong những tôn giáo cao đẹp của nhân loại.

### II. Nguồn gốc Phật Giáo :

Phật giáo khởi đầu 26 thế kỷ trước đây từ một người sinh trong một gia đình vương giả có tên là Tất Đạt Đa, thuộc giòng họ Thích Ca. Người này không phải là một vị thần thánh hoặc một tiên tri mà chỉ là một con người, bằng sức mạnh của trí tuệ, đã phá tan mọi sự ràng buộc và kiềm tỏa cố hữu của mọi chúng sinh trong hàng hà sa số đại thế giới của vũ trụ vô thủy vô chung này. Trong khi những chúng sinh khác đang oằn oại trong bể khổ của các thành kiến, lòng tham, và dục vọng vị kỷ thì Đức Phật đã vượt thoát lên trên tất cả những vô minh đó để trở thành đấng giác ngộ. Đây chính là ý nghĩa của chữ "Phật" bởi vì theo tiếng phạn (Sanskrit) thì chữ gốc "budh" có nghĩa là tỉnh thức và hiểu biết. Sau khi đã đạt đến sự chánh đẳng và chánh giác thì trí tuệ của Ngài chinh phục tất cả các huyện vi của vũ trụ cũng như soi sáng đến những điều kiện nhân sinh bi thiết của loài người.

### III. Tứ Diệu Đế :

Cũng vì lòng từ bi đối với chúng sinh và nhân loại, Đức Phật đã quyết định đi chân hành đạo trong vùng lưu vực sông Hằng Hà tại Ấn Độ suốt 45 năm để truyền đạt một trong những luận đề giải thoát nổi tiếng nhất thế giới, đó là "Tứ Diệu Đế".



Nhìn từ quốc lộ N7 thấy toàn diện Chùa Khánh Anh Evry.

**1. Diệu Đế thứ nhất là Khổ Đế :** *thoại của những người Hy Lạp, của Ấn Độ hay của người Do Thái*). Trong vũ trụ quan của đạo Phật, Thiên đế hay những vị thần linh, nếu có hiện hữu, cũng chỉ là những ảo tưởng trong tâm thức vô minh của loài người, hoặc chính Thiên đế hay những vị thần linh đó cũng chỉ là những chúng sinh trầm luân trong dục vọng và bể khổ mà thôi. Sự kiện những vị thần linh hay Thiên đế đó có thực hiện được một vài phép lạ hoàn toàn không giải đáp vấn đề, mà thậm chí còn đem lại cho các vị này một sự củng cố bản ngã vị kỷ lớn lao, đưa họ lún sâu vào vòng vô minh phiền não. Cũng chính vì thế, thiên tông thường chú tâm đến những sự bình thường trong cuộc sống. Cho nên thiên học chủ trương : **"Khi ta đi, hãy ý thức rằng ta đang đi"**.

**2. Diệu Đế thứ nhì là Tập Đế :** *vốn là một sự phân tích chi tiết về nguyên nhân của sự khổ để đưa đến định đề là nguyên nhân của Khổ chính là Dục (tiếng Phạn là tanha). Tuy nhiên như Huston Smith có nói rõ tanha là một loại dục vọng đặc thù, có thể định nghĩa như là dục vọng "cá nhân vị kỷ". Theo ông, dục vọng theo Đức Phật là "tất cả mọi sự vị kỷ, mà cốt tủy là lòng tham dục cho cá nhân, bất chấp đến sự sống của muôn loài khác"* (*The Religions Of Man, Huston Smith, 1965, tr.113-4*).

**3. Diệu Đế thứ ba là Diệt Đế :** *sự chấp nhận kết luận dĩ nhiên là để diệt khổ và đạt đến sự giác ngộ chúng ta cần phải giải thoát khỏi sự ràng buộc của dục vọng vị kỷ*.

**4. Diệu Đế thứ tư là Đạo Đế :** *nêu rõ một cách cụ thể phương pháp giải thoát. Phương pháp này theo danh từ Phật học còn gọi là Bát Chánh Đạo*.

#### IV. Bát Chánh Đạo :

Bát Chánh Đạo là một tấm bản đồ chi tiết để đưa con người và mỗi chúng sinh đến tận bờ giác và gồm những giai đoạn sau đây mà mỗi Phật tử, hoặc tu sĩ Phật giáo cần phải noi theo, từ một ngôi chùa tại **Đông Kinh**, (*Nhật Bản*), một ngôi **Wat** (*chùa*) tại **Bangkok** (*Thái Lan*) hay tại **chùa Pháp Bảo** ở **Sydney** (*Úc Đại Lợi*) do người Việt Nam xây dựng :

1. Chính Kiến.
2. Chính Tư Duy.
3. Chính Ngữ.
4. Chính Nghiệp.
5. Chính Mạng.
6. Chính Tinh Tấn.
7. Chính Niệm.
8. Chính Định.

Ý nghĩa toàn vẹn của mỗi giai đoạn được giải thích rõ trong nhiều kinh điển của Phật giáo và mỗi chúng sinh đều có thể đạt tới sự giác ngộ bằng cách thực thi **Bát Chánh Đạo**.

#### V. Vũ trụ quan và giải thoát luận :

Trên con đường giải thoát của Phật giáo, không có chỗ đứng, hoặc vai trò cho bất cứ một vị thần linh nào (*dù thần linh hiểu theo nghĩa thần*

*thoại của những người Hy Lạp, của Ấn Độ hay của người Do Thái*). Trong vũ trụ quan của đạo Phật, Thiên đế hay những vị thần linh, nếu có hiện hữu, cũng chỉ là những ảo tưởng trong tâm thức vô minh của loài người, hoặc chính Thiên đế hay những vị thần linh đó cũng chỉ là những chúng sinh trầm luân trong dục vọng và bể khổ mà thôi. Sự kiện những vị thần linh hay Thiên đế đó có thực hiện được một vài phép lạ hoàn toàn không giải đáp vấn đề, mà thậm chí còn đem lại cho các vị này một sự củng cố bản ngã vị kỷ lớn lao, đưa họ lún sâu vào vòng vô minh phiền não. Cũng chính vì thế, thiên tông thường chú tâm đến những sự bình thường trong cuộc sống. Cho nên thiên học chủ trương : **"Khi ta đi, hãy ý thức rằng ta đang đi"**.

Sự tìm kiếm phép màu và ham mê lý thuyết viển vông là những điều mà Đức Phật thường cấm đoán nghiêm cấm. Sự giác ngộ là một sự chứng nghiệm của cá nhân trực tiếp, khi cá nhân đó, bằng sự thực thi **Bát Chánh Đạo**, đã vượt ra khỏi sự kiềm tỏa của dục vọng thấp hèn, chứ không phải là tác động có tính cách trí thức, luận lý hoặc ngôn ngữ học.

**Thông điệp của Đức Phật trở nên một cuộc cách mạng về phương diện trí thức và tâm linh đánh đổ sự cứng nhắc và những định kiến lỗi thời của Ấn Độ Giáo lúc bấy giờ.** Ngài được các vị vua chúa tôn sùng lúc sanh tiền và suốt **1500** năm sau khi Ngài mất, tức là đến khoảng năm **1000** stl. thông điệp của Ngài được hàng triệu người tại Ấn Độ tiếp nhận.

Tuy nhiên sau đó, **Hồi Giáo** và **Ấn Độ Giáo** đã từ từ chiếm được ưu thế nơi vùng đất khai sinh ra Phật pháp. Chính Trung Hoa và Viễn Đông lại trở nên vùng đất để Phật Giáo phát triển và đóng góp vào gia sản tâm linh của nhân loại.

#### VI. Đại Thừa hoặc Tiểu Thừa :

Phật giáo chia làm hai chi phái khác nhau : **Đại Thừa** (*Mahayana*) và **Tiểu Thừa** (*Hinayana hay Theravada*). Trên bình diện nguyên tắc, **Đại Thừa** nhấn mạnh đến **Từ Bi** (*karuna*) như là hạnh lớn nhất, và **Tiểu Thừa** nhấn mạnh đến **Trí Tuệ** (*bodhi*). Một bên nhấn mạnh ở giác tha và một bên ở tự giác. Tuy nhiên sự sai biệt thật sự chỉ có tính cách phiến diện bởi vì bất cứ một Phật tử đại thừa nào cũng thừa nhận ngay rằng sự từ bi vô bờ bến của một vị Bồ Tát chỉ có thể đến từ Trí Tuệ, và trong khi đó thì bất cứ

một Phật tử tiểu thừa nào cũng xác nhận rằng sự kiện Đức Phật đã bỏ ra 45 năm ròng rã của cuộc đời Ngài đi truyền chánh pháp đủ chứng minh một cách hùng hồn sự từ bi vô lượng của Ngài. Hơn nữa sự sai biệt chỉ có tính cách lý thuyết và có rất ít giá trị thực tiễn đối với một Phật tử hành đạo.

Lý do là vì đối với một **Phật tử đại thừa Nhật Bản** hay một **Phật tử tiểu thừa Thái Lan**, trong sự cô tịch và tĩnh mịch của chính định theo đúng tinh thần của **Bát Chánh Đạo**, thì tất cả các lý thuyết đều trở nên vô ý nghĩa bởi vì cả hai đều cố gắng để đạt tới một trạng thái tâm linh giải thoát bất khả tư nghị mà Đức Phật đã chứng ngộ **26 thế kỷ** về trước. Trạng thái này vượt lên trên biên giới của lý thuyết, tư tưởng, khả năng nhận thức của giác quan và ý thức con người.

**Chi nhánh Đại Thừa** (*tức Bắc Tông của Ấn Độ*) phát triển qua **Mông Cổ, Tây Tạng, Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản** và **Việt Nam**. **Chi nhánh Tiểu Thừa** (*tức Nam Tông của Ấn Độ*) phát triển qua **Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào** và **Cam Bốt**. Bởi vì sự khác biệt chỉ là một sự khác biệt về khuynh hướng (*emphasis*), hơn nữa giáo điều hoặc lý thuyết chỉ giữ một vai trò thứ yếu đối với Phật giáo, nên chưa bao giờ có chiến tranh tôn giáo hoặc ngay cả những xung đột nhỏ giữa hai trường phái này. Ở miền nam Việt Nam, hiện tượng người Việt đi chùa **Cam Bốt** hoặc người **Cam Bốt** đi chùa **Việt Nam** là một chuyện bình thường, mặt đầu hai dân tộc vốn có sự hận thù truyền thống.

#### VII. Bồ Tát Đạo :

**Truyền thống Đại Thừa** với khuynh hướng nhấn mạnh đến lòng **Từ Bi** từ từ khai triển quan điểm những vị **Bồ Tát** như là những vị trợ thủ đắc lực cho **Đấng Như Lai**. Các vị Bồ Tát này, mặc dầu đã thi hành **Bát Chánh Đạo** một cách viên mãn và có thể tự tại bước sang bờ của giác ngộ, đã dừng cảm từ khước sự giác ngộ cho chính cá nhân mình và quyết tâm không bao giờ **Nhập Niết Bàn** cho đến khi nào tất cả mọi chúng sinh, kể cả mỗi cọng cỏ, con sâu hay sinh vật nhỏ nhoi nào trong vũ trụ vô thủy vô chung này đã đạt được sự toàn giác.

Phật giáo dân gian Việt Nam nằm trong truyền thống Đại Thừa này và sự thờ phụng các vị **Bồ Tát** cũng như Đức Phật như là những vị thần linh thật sự trở thành một tập tục. Tuy nhiên thông điệp của **Đức Thích Ca**



Mâu Ni vẫn luôn luôn được tập thể Tăng Ni và giới trí thức Phật tử tôn trọng và bảo tồn. Ở một mức độ nào đó thì Phật giáo dân gian đáp ứng được một số nhu cầu của đại đa số quần chúng và tạo nên một môi trường tốt để lưu truyền những tập tục và các kinh sách có thể in ấn, trao lại cho các thế hệ sau.

Trong đại khối dân gian, luôn luôn có những cá nhân xuất chúng, vượt lên trên và nắm bắt được cốt tủy của thông điệp mà **Đấng Giác Ngộ** muốn để lại cho nhân loại.

Cuối cùng luận đề giải thoát của Đức Phật đưa đến một trạng thái giác ngộ vượt lên trên bình diện tương đối. Chính vì thế sự khác biệt giữa một kẻ mộ đạo và một vị **Bồ Tát** hay một **Đấng Giác Ngộ** sự thật chỉ là một ảo tưởng trong tâm thức của những kẻ còn lăn lộn trong vòng vô minh, trong khi đó đứng trên quan điểm của một bậc Giác Ngộ hoặc một vị Bồ Tát, từ bình diện tuyệt đối, thì tất cả mọi chúng sinh vốn đã được giải thoát rồi.

Trên quan điểm của các vị này thì không có sự khác biệt giữa quá khứ, hiện tại, vị lai, đau khổ hoặc giải thoát. Bằng một sự biến thiên đột ngột, dưới con mắt của một chúng sinh bình thường thì một vị Bồ Tát nào đó có thể được nhận thức như là chịu muôn vàn ách nạn để đeo đuổi lời trọng thị phải độ cho mọi chúng sinh trong vũ trụ vô biên này, trước khi chịu **Nhập Niết Bàn**, và mọi chúng sinh đều ngưỡng mộ và thán phục ơn huệ. Tuy nhiên đối với vị Bồ Tát này, thật sự không có chúng sinh nào cần cứu khổ, không có khổ nạn nào để tiêu trừ, không có sự ngưỡng mộ hoặc biết ơn nào cần thiết, không có sự giác ngộ để tìm về và cũng không có luận đề hoặc giáo điều nào để tuân theo. Kinh Kim Cang còn đó để đập tan tất cả mọi chấp kiến của loài người trên con đường đưa đến **Chánh đẳng Chánh giác**. (Kinh Kim Cang do Sa Môn Thích Thiện Hoa dịch, ấn bản 1982).

### VIII. Những khuyết điểm cần kim :

Cũng cần nhấn mạnh ở đây rằng, mặc dầu Phật giáo là một tôn giáo cao đẹp và ưu việt, nhưng chúng ta phải thẳng thắn thừa nhận sự kiện không phải Phật giáo, nhất là Phật giáo Việt Nam, lúc nào cũng thể hiện đúng tinh thần toàn thiện đó. Như bất cứ những tôn giáo nào khác đối với dân tộc mà tôn giáo đó hội nhập,

Phật giáo Việt Nam đã có những đóng góp vĩ đại cho tiền đồ của dân tộc vào các triều đại **Đinh, Lê, Lý, Trần**.

Tuy nhiên vào thời đại **Nguyễn Triều** đã quá thiên về tịnh độ tông mà lơ là khía cạnh thiên tông vốn là cốt lõi của Phật pháp. Nghiêng hẳn về tịnh độ tông có ưu điểm là dễ dàng hội nhập vào quần chúng, nhưng có những khuyết điểm nghiêm trọng như có khuynh hướng mê tín dị đoan, giai cấp tăng lữ chú tâm nhiều về tụng niệm mà coi nhẹ việc trau dồi trình độ giáo lý. Nguy hiểm nhất là tăng đoàn có nhiều khuynh hướng trở thành nạn nhân của quá trình định chế hóa phương tiện (*institutionalisation des moyens*), biến thành những tổ chức cồng kềnh, đầy quyền lực, và đôi khi trở nên công cụ cho những thế lực chính trị có tham vọng lợi dụng từ bên ngoài, hoặc làm công cụ cho những chính trị gia có tham vọng, đội lốt tăng lữ, từ bên trong.

Khi chúng ta đánh giá lại quá trình tranh đấu của Phật giáo vào các giai đoạn đệ nhất và đệ nhị cộng hòa tại miền Nam Việt Nam, chúng ta có thể kết luận (với tất cả mọi sự dè dặt), rằng sự tranh đấu đó đã đóng góp - dĩ nhiên là một phần chứ không phải toàn diện - vào sự thành công của người cộng sản và sự thất bại của những người không cộng sản.

Vào thời điểm này của lịch sử, một trong những trách nhiệm hàng đầu của người Phật Tử Việt Nam từ trong nước đến hải ngoại là đứng cảm đứng lên, lật đổ độc tài độc đảng Cộng Sản Việt Nam và góp phần xây

dựng một nền dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên cho đất nước, theo tinh thần **Bỉ, Trí và Dũng** của các Bậc Thầy Tổ trong quá khứ.

### IX. Kết luận :

Mùng ngày **Phật Đản Sinh** năm nay, chúng ta không quên nhớ tới **Đại Hoa Vãng Áng** tại quê hương **Việt Nam**. *Đại họa môi sinh này là một hậu quả tất nhiên của Ý thức hệ giáo điều Mác Lê và chế độ độc tài độc đảng Cộng Sản Việt Nam*.

Sự hủy diệt môi trường sống tại Việt Nam không những đem lại những thiệt hại không thể bồi hoàn về kinh tế mà về lâu dài còn làm tàn phế giống nòi Việt Nam như một chủng tộc, trong cuộc cạnh tranh ngày càng khốc liệt với Hán Tộc để sống còn trên vòm trời Đông Á.

Dưới con mắt của những người Việt Nam bình thường, sự kiện hằng trăm và trong tương lai có thể hằng ngàn tấn cá và thủy tộc bị chết phơi thây có thể chỉ là những thiệt hại về môi sinh và kinh tế.

Tuy nhiên trong cái nhìn của những Phật tử thuần thành ăn chay, và nhất là giới tu sĩ Phật Giáo, thì hằng triệu, hằng tỉ cá và thủy tộc phơi thây này đều là những sinh linh trong tam giới và sự tàn sát của đảng Cộng Sản Việt Nam liên kết với tư bản đồ từ Trung Quốc là một sự lạm sát chưa từng có và làm chur Bồ Tát cũng phải rơi lệ.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

LS Đào Tăng Dục



Ông thị trưởng thành phố Evry Francis Chouat và phái đoàn Tăng Ni, Phật Tử chùa Khánh Anh chụp hình lưu niệm lễ cầu nguyện những nạn nhân tử nạn tại Nice - Pháp quốc ngày

# Câu chuyện Phật Đản Sinh

Trước khi vào chuyện, thiết tưởng, chúng ta cũng cần hiểu qua về những sự kiện, từ ngữ, thuật ngữ liên quan đến lịch sử của Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni :

**A. - Thử tìm hiểu từ ngữ, địa danh, thuật ngữ và ý nghĩa của sự kiện :**

**I- Đản Sinh :** Đản có nghĩa là xán lạn. Đản Sinh là ngày sinh của một bậc tôn quý sẽ mang lại lại cho cõi đời sự hân hoan xán lạn. Về phương diện ngôn ngữ thì hai tông phái Phật Giáo có hai quan niệm về đức Phật Đản Sinh khác nhau :

**a/- Phật Giáo Theraveda :** không dùng chữ "**Phật Đản sanh**" mà dùng "**Bồ tát Đản sanh**", vì cho rằng, nếu nói Phật Đản sanh thì sẽ hiểu Phật đã Thành Đạo từ lâu rồi, kiếp này chỉ là thị hiện lại; và nếu đã thành Phật rồi, bây giờ lại Đản sanh thì tại sao phải tìm đạo tu hành, phải chiến thắng ma vương mới được đắc đạo ?

**b/- Phật Giáo Đại thừa :** thì cho rằng sự xuất hiện của đức Phật là sự thành tựu từ tâm nguyện nung nấu ở quá khứ. Đức Phật muốn dùng cuộc đời sống động của Ngài để chứng tỏ Phật không phải là bậc quá cao siêu, chỉ dành cho một giai cấp nào đó. Phật là sự giác ngộ, là kết quả thành tựu qua quá trình tu học và tu trì. Hình ảnh đức Phật từ cõi trời Đâu Suất (còn gọi là **Đạo Lợi**) giáng sinh xuống cõi trần và hóa thân làm thái tử. Với ngôi vị Thái tử, Ngài sang cả về địa vị, đầy đủ về vật chất, cũng có vợ đẹp con thơ. Nhưng cũng như chúng sinh, Ngài cũng phải chịu sự chi phối của luân hồi : **Sinh - Lão - Bệnh - Tử**. Qua ý thức, Ngài thức tỉnh, rồi tiến đến hành động là cắt đứt mọi ràng buộc, bằng cuộc sống khổ hạnh của bậc xuất gia, Ngài tu tàm **Đạo Giải Thoát**. Đức Phật Thích ca là vị Bồ Tát thực hành **Bồ Tát Đạo** qua vô số kiếp. Sự giáng trần của Ngài là thực hiện đại sự nhân duyên như trong kinh Pháp Hoa - phẩm Phương tiện giảng rằng Đức Phật ra đời để dạy cho chúng sinh nhận chân được **Phật Tri Kiến** của mình mà thoát ly sanh tử khổ đau.

**2/ Thị Hiện :** Kinh A Hàm viết về ngày sanh của đức Bốn Sư Thích Ca

Mâu Ni : "*Một chúng sanh duy nhất, một con người phi thường, xuất hiện trong thế gian này, vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng bi mẫn, vì sự tốt đẹp, vì lợi ích và hạnh phúc của chư thiên và loài người*". Như vậy, Thị hiện có nghĩa là sự xuất hiện đầy đủ hình tướng mà thế gian thấy được. Dường như thuật ngữ **Đản sinh** và **Thị Hiện** chỉ Phật Giáo thường dùng để nói ngày sinh của đức Thích Ca Mâu Ni.

**3/ Giáng Sinh (giáng trần) :** Từ một nơi cao quý, hạ sinh xuống một nơi thấp kém.

**II/ Bồ Tát :** (*Bodhisatha*) : Là bậc Thanh Văn, Duyên Giác, bậc đạt đến Tri Giác Ngộ, xuất hiện giữa cõi ô trược để giáo hóa chúng sinh.

**III/ Cõi Trời Đạo Lợi :** Cõi trời Đạo Lợi của Đế Thích là tít ngưỡng của người Ấn Độ. Hoàng hậu Maya khi mãn kiếp, bà sinh về nơi đây. Đức Phật Thích Ca đã có lần thuyết pháp cho mẹ Ngài và chư Thiên ở cõi trời này trong 3 tháng. Theo Từ điển Phật học Huệ Quang (tập II, tr. 1474) ghi : "*Trời Đâu suất là tầng trời thứ 4 trong 6 tầng trời ở cõi Dục, ở giữa tầng trời thứ III (Đa Ma) và tầng trời thứ IV (Hóa lạc). Chư thiên ở cõi trời này sống hỷ lạc, vật chất sung mãn.*"

**IV/ Quốc gia Nepal :** Là quốc gia thánh địa Phật giáo, nằm hẳn trong lục địa dưới chân Himalaya ở Nam và Đông Á, Bắc giáp Tây Tạng; Nam, Đông và Tây giáp Ấn Độ. Theo thống kê của Liên Hiệp Quốc :

- Diện tích : 147.181 km<sup>2</sup> - ngọn Everest thuộc Himalaya cao nhất thế giới 8.850m.

- Quốc hiệu : Cộng hòa Dân chủ Liên bang Nepal - Thủ đô : Kathmandu.

- Dân số : 29.331.000

- Ngôn ngữ : Nepali

- Mã số điện thoại : 977

- Lái xe bên trái.

- Tôn giáo : 3 tôn giáo chính.

\*/ Ấn Độ giáo : 75/6 % (ngôi đền Pashupatinath là nơi người Hindu khấp nơi trên thế giới đến hành hương. Shiva là vị thần bảo hộ quốc gia Nepal).

\*/ Phật giáo : 20%, ba hệ phái lớn của Phật giáo là Đại Thừa, Tiểu Thừa và Kim Cương Thừa cùng tồn tại. Phật giáo là tôn giáo hàng đầu ở khu vực phía Bắc thưa dân, chủ yếu là nơi sinh sống của các tộc người Tây Tạng, người Sherpa.

\*/ Hồi giáo : 4%.

**V/ Hoa Vô Ưu (Udumbar) :** Theo kinh Pháp Hoa văn cú và một số kinh khác như Tạp A Hàm, Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa, Hoa Nghiêm... thì hoa Vô Ưu hay Ưu đàm, là loại hoa thiêng, 3.000 năm mới nở một lần, và khi nở thì có Đức Phật ra đời. Hoa Ưu Đàm thường làm biểu tượng cho sự xuất hiện của đấng Thế Tôn. Có tài liệu cho rằng hoa Ưu Đàm là hoa của cây Sala (*Shorea*).

**VI/ Vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini) :** Địa điểm linh thiêng Lâm Tỳ Ni thuộc quận Rupandehi, tọa lạc dưới chân dãy Himalaya. Cách cố đô Ca Tỳ La Vệ 25 km về phía Đông, cách Ấn Độ khoảng 36 km. Đây là nơi hoàng hậu Mayadevi sinh ra Siddhartha Gautama (*Tát-đạt-da Phật Thích Ca*). Hiện Lâm Tỳ Ni được bao bọc bởi một khu tu viện lớn mới được xây dựng có một số ngôi chùa và đền thờ Hoàng hậu Maya. Tại đây còn có ao Puskarini là Thánh tích, nơi Hoàng hậu làm lễ nhúng nước và vin vào cành hoa Vô Ưu (*Udumbar*) trước khi sinh đức Phật. Khu này là một trong 4 nơi hành hương quan trọng vì gắn liền với cuộc đời của đức Phật, gồm : Nơi Phật Nhập Niết Bàn (*Kushinagar*), Bồ Đề Đạo Tràng - nơi Phật thiên định 49 ngày dưới cây bồ đề (*Bodh Gaya*) và đức Phật giảng Pháp đầu tiên (*Sarnath*). Lâm Tỳ Ni bị bỏ quên trong nhiều thế kỷ. Năm 1895, Feuhrer nhà khảo cổ nổi tiếng người Đức khi ông đến các vùng đồi thấp của dãy núi Churia phát hiện các trụ cột lớn tại đây. Tiến hành khai quật, phát hiện ngôi đền bằng gạch và đá sa thạch điêu khắc những cảnh sinh thành của đức Phật.

Năm 1986 nhà khảo cổ người Anh Cuningham khai quật được 1 trụ đá trong số 4 trụ đá thường gọi là "*Tứ Động Tâm*" do vua A Dục (*Ashoka Bindusara Maurya*) đến thăm Lâm Tỳ Ni lúc nơi đây còn là một ngôi làng phồn thịnh, cho xây bốn ngôi tháp và một cột trụ đá vào năm 249 TCN để ghi lại vị trí nơi sinh của đức Phật vào 2600 năm trước khi nhà vua đến. Trên trụ đá có dòng chữ được khắc và dịch như sau :

- Năm Thiên Ái Thiên Kiến thứ 25 vua A Dục đích thân đến đây chiêm bái.

- Đức Phật Đà, dòng họ Thích Ca đi xuất gia, Đản sinh nơi đây.

- Vua sắc - thanh trụ để kỷ niệm nơi Ngài đản sinh.

- Thôn Lâm tỳ ni, nơi Phật đản sinh được miễn thuế.



- Đó là hồng ân Phật đối với nơi Ngài đản sinh.

Căn cứ vào trụ đá được khai quật, Tây phương xoá bỏ quan niệm cho rằng đức Phật là nhân vật huyền thoại và chấp nhận Ngài là nhân vật lịch sử. Trụ đá là bản khai sinh của đức Phật.

Các tấm phù điêu tại đây mô tả cảnh Hoàng hậu Maya, tay phải cầm một nhánh của cây Sala (*Shorea*) và một cậu bé sơ sinh đứng thẳng trên những cánh hoa sen, xung quanh đầu là vòng hào quang hình bầu dục và cùng các vị Thiên sứ.

Năm 1997, UNESCO công nhận Lâm Tỳ Ni là di sản văn hoá thế giới, tiếp tục khai quật, trùng tu và tôn tạo. Hiện nay, khu này được chia thành hai khu là khu phía Tây và khu phía Đông. Phía Đông có các tu viện của Phật giáo Nam Tông, phía Tây có các tu viện của Phật giáo Bắc Tông. Chính phủ Nepal không cho xây và khai thác thương mại như nhà hàng, khách sạn, cửa hàng ăn tại khu vực này.

**VII/ Thành Ca Tỳ La Vệ** (*kapilyastu*) : Cách di tích vườn Lâm Tỳ Ni 38 km về phía Tây (*hơi chếch Bắc*) là di tích cố đô Ca Tỳ La Vệ do ông Robin Coningham và ông Armin Schmidt 2 nhà khảo cổ học người Anh khai quật và tìm thấy một hệ thống tường bao 300m x 200m là khu vực của kinh thành xưa. Thành Ca Tỳ La vệ và Lâm Tỳ Ni được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới vào năm 1997.

Theo sự nghiên cứu của các học giả Vincent A. Smith, Dr. Vost, Dr.

Rhys Davids, P.C. Mukherji và Nundo Lal Dey thì Kinh thành Ca Tỳ La Vệ của vua Tịnh Phạn trên bờ phía Đông của sông Banganga, gồm các làng Chitra-Dei Ramghat, Sandwa và Tilaarakota. Tilaarakota thuộc địa hạt Terai vùng biên giới giữa Nepal - Ấn Độ, cách chợ Taulihawa một dặm rưỡi. Chợ này cách 12 dặm về hướng Bắc và Đông Bắc của ga Shoharatgarh. Khu vực rộng lớn xung quanh chợ Tilaarakota được xác nhận như là thành lũy và cung điện của vua Tịnh Phạn. Taulihawa còn đáng về cổ kính của kinh thành Ca Tỳ La Vệ ngày xưa, nhưng hiện nay hoang vắng, ít người ở. Dân chúng thỉnh thoảng đào đất và bắt ngờ tìm thấy rải rác các pho tượng, đồ đất nung, và những đồng tiền bằng kim loại; đôi khi gặp cả tiền vàng và chuỗi tiền đồng v.v...

Gần làng Nigalihawa có hồ Nigali lớn. Năm 1899, người ta đào thấy ở đây một trụ đá bị gãy đôi của vua A Dục, phần trên dài gần 5m, bị lấp trong lùm cây cạnh bờ hồ, và phần dưới dài gần 1m, nằm trên mặt đất. Phần trên của trụ đá có ghi hàng chữ Tây Tạng, với câu chú : "OM MANI PADME HUNG" (*An Ma Ni Bát Di Hồng*) và trên dòng chữ này có khắc hình hai con công. Phần nửa trụ đá dưới có khắc hàng chữ Brahmi (*tiếng Ấn Độ cổ*), ghi lại chuyến đến thăm Ca Tỳ La Vệ của vua A Dục (*Asoka*),

Làng Vardahawa cách Kudana một dặm rưỡi về hướng Đông. Giữa 2 làng có hồ Kunaun. Người ta tin rằng, đây là nơi mũi tên của thái tử Tất Đạt Đa, trong cuộc thi bắn cung, để cưới công chúa Da Du Đà La

(*Yasodhara, Rahulamata, Bimba, Bhaddakaccana, con vua Suppabuddha*), rớt xuống tạo thành con suối.

Từ khi Giáo Hội Tăng Già Phật Giáo Nepal thành lập gần 20 năm trước, quý Thượng tọa như Bhadanta Dhammaloka, Aniruddha và các vị Đại Đức khác trong Giáo Hội, đã nghĩ đến việc tìm cách duy trì và bảo vệ thánh tích Ca Tỳ La Vệ. Trong thời gian đó, chính phủ Nepal ủy thác Nha Khảo Cổ trùng tu, chăm sóc các Phật tích trong vùng Terai, gần biên giới Nepal và Ấn Độ.

**VIII/ Nhà tiên tri A Tư Đà (Asita) :** là vị tiên ngụ tại thành Ca tỳ la vệ, nghe Thái tử giáng sinh, bèn cùng với người hầu là Na la đà (*Nalaka*) đến cung vua Tịnh phạn để xem tướng Thái tử, thấy có tướng tốt của bậc đại trượng phu, ông đoán rằng, nếu Thái tử xuất gia, sẽ đắc Đạo Bồ Đề, thành bậc Chánh Giác, chuyển vô thượng tối diệu pháp luân. Lại tự than và khóc vì không còn sống để được thái tử giáo hóa, sau bảo người hầu Na la đà xuất gia để chờ ngày thái tử thành đạo. Theo kinh Phật Bản Hạnh từ quyển 7 đến quyển 10, thì ông có đủ 5 phép thần thông, thường ra vào nơi tầng trời thứ 33.

**IX/ Tài liệu nói về đức Phật Đản sinh :** Các nguồn tài liệu sớm nhất về cuộc đời Đức Phật bao gồm, kinh điển Phật Giáo Nguyên Thủy, một vài bản kinh bằng tiếng Pali như Kinh Trung A Hàm và từ các tông phái Tiểu thừa khác nhau. Tuy vậy, mỗi một bản kinh chỉ nêu lên những mảng nhỏ về cuộc đời Đức Phật. Bản tường thuật đầu tiên xuất hiện trong bộ thi phẩm Phật giáo vào cuối thế kỷ thứ II trước Công Nguyên, như Kinh Đại Sư (*Mahavastu*) của trường phái Đại Chúng Bộ (*Mahasanghika school*) thuộc Tiểu thừa. Tuy không thuộc về Tam Tạng Kinh Điển (*Tripitaka*), nhưng bản văn này đã bổ sung thêm các chi tiết. Một thi phẩm khác xuất hiện trong kinh văn của trường phái Nhất Thiết Hữu Bộ, cũng thuộc Tiểu thừa là : Phổ Diệu Kinh (*Lalitavistara Sutra*). Các bản kinh Đại thừa về sau tác phẩm này đã mượn và trau chuốt thêm, như giải thích rằng Đức Phật đã giác ngộ rất lâu từ trước, và việc hóa thân làm Thái Tử Tất Đạt Đa chỉ để chứng minh con đường đạt được giác ngộ, hầu hướng dẫn chúng sinh. Một số trong các bản tiểu sử này được đưa vào Tam Tạng Kinh Điển. Nổi tiếng nhất là bản Huyền Thoại về cuộc Đời Đức Phật (*Buddhacarita*) do nhà thơ Ashvaghosha viết vào thế kỷ thứ I của Công Nguyên. Các bản văn



Chư Tăng Ni hải ngoại và bà con Phật tử Chùa Khánh Anh viếng thăm danh lễ vấn an sức khỏe Hòa Thượng Đệ Nhất Chủ Tịch GHPGVNTN Âu Châu tại Chùa Thiện Minh - Pháp quốc.

khác còn xuất hiện muộn hơn trong các Mật điển, như trong Chakrasamvara, Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, đức Phật cũng hóa thân thành đức Kim Cương Tri (Vajradhara) và dạy Mật điển.

## X/ Những truyền thuyết và ý nghĩa

### 1/ Sinh bên hông :

a/ **Kinh Đại Bản** (Nam Tông) viết : "**Bồ Tát trong thai mẹ 10 tháng mới sinh ra. Mẹ Bồ Tát đứng mà sanh. Khi sanh ra, chư thiên đỡ Ngai trước, sau mới đến loài người. Thân Bồ Tát không đụng đến đất, có bốn thiên sứ đỡ lấy Ngai, đặt Ngai trước bà mẹ mà thưa : "Hoàng hậu hãy hoan hỷ, Hoàng hậu sanh một bậc vĩ nhân". Ngai sanh ra thanh tịnh, không bị ô nhiễm**".

b/ **Kinh Vị Tầng Hữu Pháp thuộc Kinh Trung A Hàm và Kinh Đại Bản thuộc Kinh Trường Bộ**, của Bắc tạng cho rằng thái tử sanh ra từ bên hông hữu của Hoàng hậu.

c/ **Giải thích** : Hầu hết các nước Đông phương, đều thần thánh hóa sự ra đời của các bậc Thánh nhân, hoặc huyền thoại kỳ tích của những nhà lãnh tụ. Ví dụ như bà **Nhan Thị mẹ Khổng Tử**, đến núi Ni sơn cầu tự và mộng thấy Hắc Đế bảo bà sẽ sanh được Thánh tử và phải vào trong hang núi Không Tang để sanh. Khi tỉnh dậy thì bà biết mình đã thụ thai. Cũng đang lúc bà mơ ngủ ở lần khác, bà thấy 1 Lão ông xưng là Ngũ Tinh, dắt theo 1 con thú giống con trâu con, mình có vằn và có 1 sừng. Con thú thấy bà, liền nằm phục xuống và nhả ra 1 viên ngọc màu xích (màu đỏ). Sau này bà biết đó là con Kỳ Lân, có nghĩa là bà đang mang thai bậc Thánh nhân. Khi **Khổng Tử** ra đời thì có hai con rồng xanh từ trên trời bay xuống nằm phục ở hai bên sườn núi và có 2 nữ thần đem nước hương lộ đến gội đầu cho bà, rồi trong hang đá có dòng suối nước nóng chảy ra để bà tắm, tắm xong thì suối cạn. Hay như bà **Ngô Thị Ngọc Dao** khi mang thai vua **Lê Thánh Tông** cũng mơ thấy trời sai tiên đồng giáng trần...v.v.

Vì vậy, bên cạnh một đức Phật lịch sử, chúng ta còn có một đức Phật huyền thoại. Thật tế, huyền thoại này, đã củng cố thêm niềm tin sâu xa trong lòng dân gian. Xét về ý nghĩa của niềm tin, thì chúng ta có thể kết luận rằng "**Tin Để Quy Ngưỡng, Chứ Không Phải Tin Là Mê Tín**". Thế nên, chuyện siêu phàm về đức Bổn Sư là điều tất nhiên và dễ hiểu. Thái tử Đản Sinh ra từ bên hông phải vì

người Ấn Độ xem bên phải là thiêng liêng, màu nhiệm.

**2/ Ý nghĩa của voi trắng sáu ngà** : Truyền thuyết kể rằng Hoàng hậu Maya chiêm bao thấy voi trắng sáu ngà từ trên không trung xuống và ẩn vào bên hông bên phải; sau đó bà thụ thai. Voi trắng 6 ngà là tượng trưng cho sức mạnh, sự hùng dũng luôn hướng về phía trước, là biểu đạt hình tượng Bồ Tát thành tựu **Lục Độ Ba la mật** (Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ), là biểu tượng của vị Bồ tát với hạnh nguyện cứu đời.

**3/ Ý nghĩa đi bảy bước** : Thái tử vừa sinh ra, liền bước 7 bước trên 7 hoa sen. Tại sao là số 7 mà không là số khác ? Điều này đã có nhiều bản kinh viết, tuy có khác đôi chút nhưng vẫn là con số 7. Có rất nhiều cách giải thích khác nhau nhưng vẫn cùng chung ý nghĩa :

- **Con số 7** là con số tốt lành của người Ấn xưa.

- Là con số "**Huyền học Đông phương**" mà người Ấn rất xem trọng.

- **Bảy bước** là vì **Ngài là vị Phật thứ bảy**, tiếp nối sáu vị Phật đi trước là **Phật Tỳ Bà Thi, Phật Thi Khí, Phật Tỳ Xá Phù, Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Phật Ca Diếp**.

- **Số 7 tượng trưng cho sự thành tựu sinh hóa cả vũ trụ không gian** là đông, tây, nam, bắc; thời gian là quá khứ, hiện tại, vị lai.

- **Thất Bồ Đề Phần** (Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định, xả).

- Theo tư tưởng kinh Hoa Nghiêm toàn thể vũ trụ trên, dưới, trong, ngoài, phải, trái và chính giữa.

- Từ vật nhỏ vi trần đến vật lớn như núi tu di tất cả không ngoài con số 7 như :

\*- **Thất Đại** : là địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức.

\*- **Thất thánh tài** : là tín, tấn, giới, từ, bố thí, nhẫn, xả, huệ.

\*- **Thất chúng** : Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thức xoa, Sa di, Sa di ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di.

\*- **Thất thánh quả** : là Tư đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, Ala hán, Duyên giác, Bồ Tát, Phật là quả vị tối cao.

**4/- Đi và đứng trên hoa sen** : Tất cả các hình tượng Phật, Bồ Tát đều đứng trên hoa sen, vì hoa sen có tính chất đặc thù mà các loài hoa khác không có như : Sen là hoa tinh khiết,

biểu tượng cho tinh thần nhập thế của Phật giáo được diễn đạt bằng tư tưởng : "**cư trần bất nhiễm trần**" (trong bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn).

**5/ Thái tử một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, và nói** : "**Thiên thượng thiên hạ - Duy ngã độc tôn...**". Nếu chúng ta hiểu cái "**TA**" của thái tử nói là cái "**TA = NGÃ**" của sinh - diệt, của thân ngũ uẩn "**duyên sanh giả hiệp**", của chúng sinh bình thường thì quả là lời nói quá tự cao tự đại ! Đức Phật dạy chúng ta về giáo lý Vô Ngã như trong kinh Kim Cang rằng : "**Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng**", thì cái TA trong lời thái tử không rơi vào phạm trù này. Là người học Phật. chúng ta nên hiểu cái TA đó là cái **TA Chân Thật, Chơn Ngã, Chơn Tâm**, cái TA của Phật Tánh, của Tâm Thanh Tịnh, Tâm Viên Giác, của Phật Tri Kiến, là xa lìa tất cả những cái gì gọi là đối đãi nhị nguyên như : "**thiên - ác, giới - kém, sáng - tối, trung thành - phản bội...**". Cái TA mà thái tử nói là cái TA không có hình tướng, nên cái Ta này không bị huỷ diệt. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Như Lai Tánh, đức Phật dạy : Ngã tức là nghĩa Như Lai Tạng. Tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh tức là nghĩa của Ngã. Nhưng vì chúng ta đã bỏ quên, chưa nhận ra được nó nên cứ mãi trôi lăn trong sanh tử luân hồi. Duy Ngã độc tôn này chính là cái "**Như Thật Tri Kiến**", là Vô Ngã, bao gồm toàn thể vũ trụ hư không đều đồng thể Phật Tánh Như Lai Ai đạt được hành trạng Vô Ngã rốt ráo tức đạt được 4 Tánh : "**Thường - Lạc - Ngã - Tịnh**" bất biến của Niết bàn. Đây mới chính là "**Duy Ngã độc tôn**". Như vậy, câu "**Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn**" không phải riêng cho cá nhân đức Phật, cũng không phải cái "**Ngã Sinh Diệt**" mà là cái "**Chơn Ngã Chẳng Hè Sanh, Diệt**". Đó mới là Cái Ngã mà Đức Phật phán dạy lúc Ngài vừa mới Đản sinh.

**6/ Ba mươi hai tướng tốt** : 32 tướng tốt là sắc tướng của một Chuyển Luân Vương (cakravart+- rja), của một vị Bồ tát, hay là của một vị Phật. Tuy nhiên, trong 32 tướng Chuyển Luân Vương lại không có hai tướng là có chữ **Vạn** ở trước ngực và tướng phát ra hào quang như Phật. Theo Luận Trí Độ, thì Bồ Tát thì cũng có 32 tướng tốt nhưng có 7 tướng khác hơn so với **Chuyển Luân Vương**. Trong nhiều bộ kinh quan trọng như Đại Bát Nhã, Trường Bộ kinh, Đại Trí Độ Luận, Niết Bàn Kinh, Trung A Hàm Tam Thập Nhị Tướng Kinh đều có nhắc tới 32 tướng tốt và cho đó là kết quả của "**Tâm Từ Bi Vô**



**Lương".** Chương thứ 13 kinh Kim Cang viết : "Tu Bồ Đề, ý ông thế nào ? Có thể nào dựa vào 32 tướng mà thấy được Như Lai không ? - Kính Thế tôn, không. Không thể dựa vào 32 tướng mà thấy được Như Lai. Tại vì sao ? Như Lai nói 32 tướng, tức chẳng phải tướng, đó gọi là 32 tướng." Đại ý cho thấy các hình tướng nhìn thấy, hay cảm xúc được, chỉ là hư vọng và vô thường không thể nào là chân lý là thực chất của vạn vật. Thấy được cái "Tĩnh Không" của các "Hình Tướng" này và không chấp vào các hình tướng thì thấy được thật tướng. Ngoài 32 tướng tốt đó, còn phải nói đến 80 vẻ đẹp khác của Phật. Bàn chân Phật có hình bánh xe Pháp Luân (Dharma wheel), có ngàn cánh (hay cằm), ứng với tướng tốt thứ nhì, được khắc bên trong bản điều khắc "Dấu Chân Phật" vào thế kỷ thứ I. Trong tranh tượng, người ta thường diễn tả một số tướng tốt như là hào quang, hay chấm đỏ nổi lên cao giữa chóp đầu tượng trưng cho trí huệ.

### B. - Phật Đản Sinh :

Cách đây trên 25 thế kỷ, năm ấy, hoàng hậu đã 40 tuổi vẫn chưa có con, hoàng gia rất lo lắng và nôn nóng. Một đêm trong mùa Lễ Hội Cầu Mưa diễn ra hằng năm khoảng tháng 6 và tháng 7. Sau khi dâng cúng hương hoa trong cung điện, hoàng hậu ra bố thí cho dân nghèo, trở về cung an giấc, bà mộng thấy con voi trắng sáu ngà từ trên hư không lấy ngà khai hông bên hữu của bà mà chui vào. Hoàng hậu Bà đem chiêm bao kể cho vua Tịnh Phạn (Sudhodana, Zas gtsang-ma) nghe. Vua vội mời các thầy đến đoán mộng, và được giải rằng : "Hoàng hậu sẽ sinh một quý tử tài đức song toàn". Vua Tịnh Phạn vô cùng hân hoan. Voi trắng, tượng trưng cho trí huệ vượt chướng ngại, sáu ngà cho sự chiến thắng sáu giác quan hệ thống Ngũ Uẩn, đó là : Sắc (Rupa), Thọ (Vedana), Tưởng (Samjñà), Hành (Samkàra), Thức (Vijnàna).

Hoàng hậu mang thai đến 10 tháng mới dẫn sanh Thái Tử Sĩ Đạt Đa (Sakya Sidhartha, Don- grub) thuộc giai cấp quý tộc Thích Ca (Sakya) họ Cù Đàm (Gotama) vào ngày trăng tròn tháng năm, tức rằm tháng tư Âm lịch năm 623 trước Dương lịch, lúc mặt trời mọc tại vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini), cách Ca Tỳ La Vệ 15 dặm trên đường về Devadaha thuộc nước Câu-ly (Koly) nơi phụ hoàng của bà là đức vua A Nậu Thích Ca (AnuShakya) đang trị vì để sinh con đầu lòng theo tục lệ của Ấn Độ lúc bấy giờ. Khi



Lễ Hội Quan Âm Kỳ 4 (Via Quan Thế Âm ngày 19/02)  
tại Chùa Quảng Hương - Aarhus - Đan Mạch ngày 18/03/2017.

đình chân ngoạn cảnh, bà đưa tay phải vịn vào cành hoa Vô Ưu thơm ngát mà ba ngàn năm mới nở một lần, thì thái tử cũng thị hiện ngay cùng lúc. Cũng theo tục lệ Ấn Độ, thái tử theo họ mẹ là Thích Ca (Thích-ca Mâu-ni (Shakyamuni) Thích ca nghĩa là năng nhân, Mâu Ni là sự tĩnh lặng thấu suốt. Bấy ngày sau thì hoàng hậu băng hà, và thăng lên cõi trời Đâu Suất. Em gái ruột của hoàng hậu là Ma Ha Bà Xà Ba Đề (Mahā Pajāpati) lên làm kế mẫu.

Ngày đản sinh thái tử, trong thành Ca Tỳ La Vệ, cảnh vật vui vẻ lạ thường, khí hậu cây cỏ đơm hoa trở trái tươi mát; sông, ngòi, ruộng, giếng nước đều trong đầy; trên hư không chim muông háo hức hót, và những luồng ánh sáng như hào quang tỏa chiếu ánh sáng. Thái tử chào đời có nhiều điều khác thường so với nhân thế như thân thể rực rỡ trong ánh bình minh và không gian kết đầy những hoa, rồi mưa hoa ngát thơm ngào ngát, tuông từ các vị thiên vương, mây trời kết ngũ sắc cúng dường, hoa đơm bùng nổ, gió nhạc êm đềm, ba ngàn thế giới vang động, vạn vật như cúi đầu cung đón bậc Thầy của ba cõi Người, Trời và Thần.

Theo Kinh A-hàm - kệ Đản Sinh thuyết rằng Hoàng hậu Maya đứng mà sanh. Khi Thái tử giáng trần thì được 4 vị thuộc hàng chư thiên nâng đỡ, đặt Ngài trước hoàng hậu mà thưa : "Hoàng hậu hãy hoan hỷ, Hoàng hậu sanh một bậc vĩ nhân". Lúc đó, Ngài đứng vững trên hai chân, bỗng nhiên từ dưới đất mọc lên một đóa sen Thất Bảo lớn như bánh

xe để Ngài đứng lên trên, mở mắt hướng về phía Đông, mặt hướng phía Bắc, nhìn bốn phương rồi khoan thai bước đi bảy bước, hoa sen nở đón mỗi bước chân. Tay phải Ngài chỉ lên trời, tay kia chỉ xuống đất và ứng khẩu nói : "Thiên thượng, Thiên hạ duy ngã độc tôn. Tam giới giai khổ - Ngã đương an chi" (Trên Trời và dưới trời chỉ có ta tôn quý; Ba cõi đầy khổ đau Ta làm cho yên ổn) có nghĩa là trên trời, dưới thế tất cả chúng sinh ai ai cũng đều có chơn ngã là Phật tánh là Chơn Tâm mới thật, là duy nhất của ta.

Tin Hoàng tử chào đời được loan truyền trong nhân gian, thần dân vui mừng, Vua Tịnh Phạn mời một số đạo sĩ đến coi tướng, vị trẻ nhất trong các vị Bà la môn này là Ngài Kiều Trần Như. Các đạo sĩ đều nói Hoàng tử có 32 tướng tốt, trên đời chưa thấy ai có; nếu sau này làm vua sẽ là một Hoàng Đế nhân đức anh minh, còn nếu xuất gia học đạo sẽ là bậc đại thánh.

Ba ngày sau, nhà vua cho mời A Tư Đà - một thân hữu rất được lòng họ Cồ Đàm kính trọng. Trước khi Ngài lui về ở ẩn. A Tư Đà đã từng là tế sư hoàng triều của thời Tiên vương Sihahanu. Ngài căn cứ vào một số thân tướng mà đoán rằng đây quả là một vị vương tử phi thường sẽ trở thành một vị Phật và sẽ chuyển Pháp Luân. Nếu Thái tử ở ngôi vua sẽ là một đại đế thống nhiếp thiên hạ, đem lại an lành cho trăm họ. Còn nếu xuất gia, thái tử sẽ là bậc đại giác cao cả, trí tuệ tuyệt vời siêu việt, Ngài sẽ phán nhận vũ trụ (xem tiếp trang 12)

## Ý nghĩa Đức Phật Thành đạo

Ngược dòng thời gian hơn 25 thế kỷ, kể từ thời điểm trọng đại đánh dấu một chiến công lẫy lừng trong lịch sử nhân loại, một con người bình thường bằng đấu tranh nội tại đã tự mình vượt thoát khỏi mọi sự trói buộc của khổ đau sanh tử luân hồi. Một đại vĩ nhân xuất hiện. Những lời tuyên bố đầu tiên của Ngài mãi mãi về sau vẫn là một khúc ca khải hoàn, chấm dứt trường chinh chống bọn giặc Ma vương phiến não, đưa một con người từ phạm phu lên vị trí một **Bạc Giác Ngộ, Bạc Đạo Sư của trời người**. Từ đó nhân gian tôn xưng Ngài là **Đức Phật - Bạc Giác Ngộ tối thượng**. Và như thế, hàng năm đến ngày **mùng tám tháng chạp**, mọi người con Phật trên khắp năm châu đều nô nức đón chào một sự kiện lịch sử : **Đức Phật Thích Ca Thành Đạo**. Hòa với niềm vui chung của muôn loài, hôm nay chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu về ý nghĩa **Thành Đạo của Đức Bốn Sư**.

### I- Khái quát về Đức Phật :

Sống giam mình trong ngục thất vàng ngọc và buộc ràng bởi tình ái thế tử, **Thái tử Sĩ-Đạt-Ta (Siddhattha)** không có được chút thanh thoi, an lạc. Cuộc sống luôn bị rình rập bởi **già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não**; chàng quyết định từ bỏ vinh hoa phú quý, làm một Sa-môn vô gia cư để tìm đường giải thoát cứu mình và nhân loại.

Thời gian trôi qua, gần một năm theo học với đạo sĩ **Alara Kalama** lãnh đạo phái **Samkhya (Số luận)** ở thành **Vesali (Ty-xá-ly)** và với **Uddaka Ramaputta (Uất-dầu Lam-phất)**, lãnh đạo phái **Yoga (Du già)** tại kinh đô **Rajagaha (Vương-xá)**, **Sa-môn Gotama** đã thấu triệt những gì mà hai đạo sĩ đạt được, nhưng Ngài không thỏa mãn; vì cho rằng chúng chưa là giác ngộ tối thượng. Ngài từ bỏ hai đạo sĩ và đến cùng tu với năm người tu khổ hạnh là **Kondanna (Kiều-Trần-Nhut), Bhaddya (Bạc-Đề), Vappa (Đề-Bà), Mahanama (Mahanam), Assaji (Ác-Bê)**. Cuộc tìm kiếm chân lý trên đường tu khổ hạnh kéo dài 6 năm, kết quả chẳng có gì ngoài những cảm giác đau đớn, kiệt sức... Ngài một lần nữa chối bỏ phái tu khổ hạnh và **"Tự mình thấp đước lên mà đi"**.

Sau 49 ngày dèm tư duy thiên định dưới cội cây **Assatha (Tất-bát-la)**, vào một đêm sau khi sao Mai vừa xuất hiện, trí giác siêu việt bùng sáng nội tâm, **Sa-môn Gotama** chứng **Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác [1]**. Ngài được trời người cung kính với **10 tôn hiệu : Như-Lai, Ưng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn [2]**.

### II. Ý nghĩa Thành Đạo :

#### 1- Con người là tối thượng :

**Đức Thế Tôn là bậc Đại giác ngộ khai sáng đạo Phật**. Ngài là một người như bao nhiêu người nhưng tự giác ngộ chân lý, rồi đem sự giác ngộ ấy dạy lại cho con người. Chúng ta đừng lầm lạc, khi dán sau lưng Ngài những nhãn hiệu mà chính Ngài không thừa nhận. Do đó, chúng ta không nên xem Ngài như là một vị giáo chủ của một tôn giáo thông qua sự tôn thờ Ngài bằng lòng sùng kính của một tín đồ, vì đây không phải là bản ý của Ngài. Ngài là một nhà văn hóa bởi vì ta đã nhìn Ngài bằng cặp mắt của một nhà văn hóa. Ngài là một nhà triết học bởi vì ta đã tìm hiểu Ngài qua những kiến thức triết học của ta. Đúng ra, chúng ta chỉ có thể nói rằng **Ngài là người đáp ứng những nhu cầu sinh hoạt của một xã hội, đáp ứng một cách toàn vẹn, nhờ giác ngộ, nhờ đức độ vô biên, nhờ ý chí bất khuất của Ngài**. Đức Phật đã tuyên bố, Ngài không phải là thượng đế, thiên sứ hay thần linh ở một thế giới xa xăm nào xuất hiện giữa cuộc đời.

Ngài nói, tất cả những gì Ngài thực hiện được, đạt đến được và hoàn thành được, đều hoàn toàn do nỗ lực và trí tuệ con người. Con người và chỉ có con người mới có thể thành Phật. Cho nên cái ý tưởng cho rằng Ngài là một nhân vật thần linh vạn năng, có thể ban phúc trừ họa là một ý tưởng sai lạc. Chúng ta kính yêu Đức Phật vì bản thân Ngài là một thực thể đúc kết bằng những yếu tố nhân bản và trí tuệ. Đức độ và giáo kết bằng những chất liệu con người. Chúng ta kính yêu Đức Phật vì chúng ta thấy ở Ngài hình bóng của chính ta. Cũng bởi vì vậy, cho nên trong suốt hơn hai ngàn năm trăm năm lịch sử, đạo Phật là một nguồn sống tràn đầy tính chất nhân bản. Đức Phật là người khơi mở nguồn sống ấy, khơi mở chứ không phải là hóa hiện là tạo

dựng. Chúng ta có thể gọi Ngài là một con người tuyệt luân. Ngài quá toàn thiện trong nhân tính của Ngài đến nỗi về sau trong tôn giáo của đại chúng, Ngài được xem là một siêu nhân. Đức Phật dạy, nếu ai hiểu một cách chân chính thì hãy hiểu rằng, **Ngài là một vị hữu tình không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc nhân loại, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người (Trung Bộ I, Kinh số 4, tr 53)**.

Cho nên đạo Phật cho rằng vị trí con người là tối thượng. Con người là chủ nhân ông của chính mình, và không có một thực thể hay quyền năng nào trên cao để định đoạt số phận của nó. **"Người là nơi nương tựa chính mình, còn ai khác nữa có thể làm nơi nương tựa ?"**

#### 2- Con đường Trung đạo từ bỏ hai cực đoan :

Bằng kinh nghiệm tự thân. Đức Thế Tôn đã vạch rõ tư tưởng sai lầm của hai phái. Một là đắm nhiễm dục lạc; hai là khổ hạnh ép xác, nói cách khác là phái chủ trương lạc quan và phái chủ trương bi quan. Phái lạc quan sẽ bị vật chất hóa, thiên nhiên hóa, khoái lạc chủ nghĩa. Phái chủ trương bi quan tự chán ghét đời sống tạm bợ, thân thể đầy nhoe nhớp, nên dùng phương tiện ép xác, nhịn đói, khổ thân để mau bỏ xác thân này và cầu thân hạnh phúc tốt đẹp đời sau.

Theo **Đức Thế Tôn**, hai chủ trương này không có lợi ích gì và đó chỉ là tâm niệm bất chánh, kết quả chỉ là khổ thôi. Từ bỏ hai cực đoan này. Đức Thế Tôn thực hành **Bát Chánh Đạo**. Và Ngài đã tìm cực lạc thật sự trên con đường này. Đây là con đường Trung đạo đưa đến sự giác ngộ tối thượng. Như vậy, Ngài nói con đường tu tập Trung đạo mà Ngài tìm thấy, đó là kết quả giác ngộ qua quá trình thực hành **Giới, Định, Tuệ**. Trong **Kinh Pháp Cú, phẩm Đạo**, tr 152 có ghi :

**"Tám chánh, đường thù thắng,**

**Bốn cầu, lý thù thắng.**

**Ly tham, pháp thù thắng.**

**Giữa các loài hai chân,**

**Pháp nhân, người thù thắng."**

Hay :

**"Đường này, không đường khác**

**Đưa đến kiến thanh tịnh**

**Nếu người theo đường này**

**Ma quân sẽ mê loạn".**



### 3- Hãy nương tựa chính mình

Từ bỏ hai đạo sĩ thời danh và năm người bạn đồng tu để **"Tự mình thấp được lên mà đi"**, là bài pháp thân giáo sinh động, thể hiện sự tự tu, tự chứng ngộ của bậc Đạo Sư của chúng ta đang tiến bước trên lộ trình giác ngộ giải thoát.

Ngài luôn dạy đừng giao phó thân mạng, tư tưởng, lý tưởng, mục đích sống cho bất cứ ai, chủ thuyết nào, ý thức hệ nào dù chúng đã trở thành truyền thống, tập tục; vì chỉ có mình là chủ nhân tác nghiệp, tạo nên khổ đau hay hạnh phúc. Đức Phật nói : **"Chớ có tin vì nghe truyền thuyết, chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt các dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì Sa-môn là bậc Đạo Sư của mình"**.

Và Ngài dạy : **"Nếu thấy việc này là xấu, những việc này là bất thiện, những việc này bị người có trí chỉ trích, những việc này nếu tuân theo và thực hiện sẽ mang lại tai hại và xấu xa, thì hãy từ bỏ."** Còn **"Nếu thấy việc này là tốt, những việc này là thiện, những việc này được người có trí tán thán, những việc này nếu tuân theo và thực hành sẽ mang lại lợi ích tốt đẹp, thì hãy chấp nhận chúng"**.

Chúng ta thấy rõ, Đức Phật bao giờ cũng tôn trọng sự tư duy, nhận xét và quyết định của chúng ta, Ngài không muốn chúng ta nhắm mắt tuân theo Ngài, vâng theo sự phán xét của Ngài một cách thụ động. Ngài đòi

hỏi chúng ta một sự suy tư chín chắn, một ý thức kinh nghiệm bản thân, rồi mới đánh giá sự việc là thiện hay bất thiện, tiếp đến mới có thái độ tuân theo hay từ bỏ. Do đó, Ngài khuyên chúng ta hãy là **"một nơi nương tựa cho chính mình"** và không bao giờ tìm nơi nương tựa hay sự giúp đỡ của bất cứ người nào khác. Ngài giảng dạy, khuyến khích và cổ vũ mỗi người hãy tự tu tập và tìm sự giải thoát cho chính mình, vì con người có năng lực giải thoát mình ra khỏi mọi ràng buộc của trí tuệ và nỗ lực của riêng mình. Đức Phật dạy : **"Các người nên làm công việc của mình, vì các đức Như-Lai chỉ dạy con đường mà thôi"**. Nếu người ta có gọi Đức Phật là một người **"cứu thế"** đi nữa thì cũng chỉ có nghĩa rằng Ngài đã tìm ra và chỉ ra con đường đi đến giải thoát, **Niết-Bàn**. Nhưng tự chúng ta phải bước trên con đường ấy.

### 4- Chúng sanh có thể thành Phật

**"Tự mình thấp được lên mà đi"**, chính là tự mình phải khơi dậy ngọn đèn tuệ giác, khơi dậy hạt giống Phật đang tiềm ẩn bên trong mỗi người. Vì rằng, **"Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh"** (Nhứt thiết chúng sinh giai hữu Phật tính), tức là ai cũng có thể tu hành thành Phật [3]. Chúng sinh vì lòng tham chấp ngã uẩn cho là ta, là của ta, là tự ngã của ta... và ý thức rằng thân thể của tôi, tình cảm của tôi, tâm tư tôi, nhận thức tôi,... hình thành một cái tôi ham muốn vị kỷ làm che lấp cái thể tánh sáng suốt vốn có của mỗi chúng sinh. Ý niệm này được **Kinh Pháp Hoa** diễn tả hình

ảnh một kẻ nghèo khó, vốn có châu báu trong vạt áo nhưng không hay biết mà phải bôn ba khắp nơi để kiếm sống; đến khi có vị thiên trí thức chỉ ra mới hay biết, nhờ đó mà thoát khỏi cảnh khốn khổ. Chúng ta cũng vậy, vì không biết trong mỗi người đều có Phật tính, cho nên trải qua không biết bao nhiêu số kiếp, nhưng vẫn lặn hụp trong biển khổ sinh tử mê mông. **Đức Phật là bậc Đạo Sư**, Ngài chỉ có trách nhiệm khơi mở chỉ bày phương pháp đạt đến giác ngộ, còn chúng ta phải có trách nhiệm phát huy tiềm năng vốn có. Do đó, tiến trình từ phàm phu đến quả vị Phật, là tiến trình chiến đấu với tự thân, phá trừ tận gốc thành lũy vô minh, tham ái. Đức Phật tuyên bố: **"Biển có thể cạn, núi có thể sụp đổ, quả đất có thể băng hoại, nhưng khổ đau không bao giờ chấm dứt đối với con người vô minh và ái dục"** (Tương Ưng III, chương 1, phần 5, tr 267). **Đức Phật đã đoạn tận vô minh, tham ái** nên Ngài được trời người tôn xưng là **Bậc Đạo Sư**, là người đã vượt lên trên tất cả muôn loài. Ngài đã khẳng định : **"Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành"**.

Nói tóm lại, sự kiện Thành đạo của Đức Thế Tôn là điểm son trong lịch sử tôn giáo của nhân loại, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của nhân bản, bình đẳng, vô ngã và từ bi. Ngài là bậc thầy vĩ đại của nhân loại, một con người kỳ vĩ xuất hiện trong thế giới thường nhân, với trí tuệ siêu xuất thể hiện qua ngôn ngữ, văn tự thường tình đã gây âm vang chấn động trong lịch sử tôn giáo và triết học.

Thời gian trôi đi gần ba thiên niên kỷ, thế giới loài người cũng đã bao lần đổi thay, nhưng những lời dạy của Đức Phật vẫn mãi mãi là bức thông điệp muôn thuở cho con người khảo nghiệm, nghiên cứu, thực hành. Đức Phật chỉ là một con người, nhưng là một con người kết tinh của vô vàn tinh hoa tuyệt mỹ của nhân loại. Vì thế, đứng ở góc độ nào, người ta cũng thấy được hiện thân của Ngài. Đó là hiện thân của chân lý, của trí tuệ và từ bi.

#### Thích Tâm Minh

[1] Dựa theo Hán Tạng. Theo kinh điển Pàli, Đức Phật tham thiền và thành đạo trong đêm rằm tháng Tư (Vesakha). Sau đó, Ngài lưu lại đó trong 49 ngày (7 tuần lễ) để an hưởng quả Giác ngộ.

[2] Theo kinh điển Pàli, chỉ có 9 danh hiệu: Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, và Thế Tôn.

[3] Đây là quan điểm của Phật giáo Đại thừa.



Sau buổi Lễ Đàn Tràng Quan Thế Âm (Vía Quan Thế Âm ngày 19/02) tại Chùa Khánh Anh - Bagneux - Pháp quốc, chư Tăng Ni và bà con Phật tử chụp hình lưu niệm ngày 18/03/2017.

# Tuệ Sĩ người gầy trên Quê Hương

Tuệ Sĩ - Người gầy trên quê hương điều tàn. Tuệ Sĩ - Người ẩn mình dưới lòng hổ thảm hun hút, Tuệ Sĩ - Trên đỉnh Trường Sơn chót vót sương mù, mây trắng. Những hình dung từ tiêu biểu cho một con người như còn lảng vảng đâu đó, nấu mình trong khói đá. Ẩn hiện trên khói sóng. Nhấp nhô trên những lượng nước bạc đầu của đại dương. Hiện hiện trên quê hương điều tàn. Núp sâu trong lòng người khốn khó. Ngày cũng như đêm luôn có ở những nơi đó. Có như một linh hồn mục nát, đọa đày giữa muôn triệu linh hồn đau thương, gầy guộc. Luôn kêu gào thấu trời xanh, nhưng những kẻ quyền uy tham vọng ở nơi đó vẫn bịt tai, nhắm mắt như loài khỉ nhẩy nhót trên cành cây vô lương tri. Như bầy thú hoang dẫm nát núi rừng nơi chúng ở.

Một vì sao sáng ở phương đông để dẫn lối cho các vì sao lạc hướng. Cả bầu trời đen ngòm, thăm thẳm u minh, bao trùm muôn vật, gục đầu trong tuyệt vọng.

*"Ôi nỗi buồn từ ngày ta lạc bước,*

*Cố quên mình là thân phận thân tiên."*

(Giấc Mơ Trường Sơn 57-An Tiêm 2002)

Đúng ! Tuệ Sĩ người đã lạc bước, nên bốn mươi năm qua đã phải sống với cỏ cây, sương mù, vạt nắng... với rừng xanh, cốc lặng thăm u, để nuôi dưỡng một thân người gầy còm như **Khô Mộc Thiên Sư**, trên đỉnh Trường Sơn gió hú. Lạc bước để ru đời mình qua cơn mộng kinh hoàng của quê hương. Qua nỗi đọa đày, làm than của dân tộc. Vì lạc bước vào một thảm cảnh điều tàn đã làm xóc dây nỗi đau chung của loài người. Nổi oán hồn của cỏ cây, sỏi đá, của kiếp người cuốn theo bụi mờ của thời gian tăm tối.

Mang thân phận người mà chia sẻ những cảm nghĩ, suy tư chẳng ai thấu hiểu, nhìn nhận, vì đã bị lạc điệu. Con người ở nơi đó đã choáng ngợp ánh đèn tham vọng. Con đường tham những để dẫn tới cảnh bán nước cầu vinh. Nhóm người vong thân, lạc

hướng của thời đại điều tàn hoang dã của thời tiền sử. Vì lạc bước nên không cùng chung ý thức sống. Ý thức của ý thức. Người thật người. Người của lương tri. Người của người. Người của tất cả, cỏ dại mây ngàn, biển xanh, núi thăm... Vì lạc bước nên ở đó cảm thấy mình cô độc giữa xã hội người mà chẳng ai cảm thông, chia sẻ, nỗi niềm, ước vọng để đồng hành trên con đường phụng sự tha nhân, làm lợi đạo ích đời. Khi mình còn hiện hữu. Có tâm lý nào của loài người khi có được viên ngọc quý trong tay mà quăng nó vào xô nhà, vứt nó vào xọt rác. Tâm lý này có thể có ở những kẻ sống xa thế giới người, không biết cái quý của viên ngọc. Hay đúng hơn như loài vượn, loài khỉ. Cho nó ăn chuối, cầm lấy ăn liền, nhưng đưa nó viên ngọc, nó nhìn qua nhìn lại rồi ném đi chẳng hối tiếc. Vượn khỉ chẳng suy tư nghĩ ngợi gì giá trị hiếm có của viên ngọc, nên dưới mắt của vượn khỉ viên ngọc không quý bằng trái chuối.

Trong mọi thời gian, dù rằng xa xưa ở quá khứ, loài người mới xây dựng một đời sống xã hội thấp, lao tác bằng tay chân, ít sử dụng việc làm bằng đầu óc. Nhưng những ai có được cái đầu, cho những dòng tư tưởng tuôn chảy, cho tri thức hiện hữu qua sự sinh hoạt thường nhật, thì người có cái đầu vẫn hơn, vẫn được trọng dụng để khai phá, phát triển những việc cần khai phá, cần phát triển. Có được như vậy, thì loài người mới tiến bộ thăng hoa đời sống thánh thiện, nâng cao trình độ tri thức xã hội. Bằng không xã hội người đó sẽ không bắt kịp với những nền văn minh tiến bộ khác.

Đã lỡ lạc bước rồi, thôi thì hãy cố quên mình là thân phận thân tiên đi, mà phải vào rừng ăn trái cây, uống nước suối, cùng lũ khỉ vượn chèo càn cho qua ngày tháng, theo dòng thời gian :

*"Ngược xuôi nhớ nửa cung đàn,*

*Ai đem quán trọ mà ngăn nẻo về."*

(Giấc Mơ Trường Sơn - An Tiêm 2002)

Có người ngược xuôi để tìm cầu, tranh giành quyền uy tước cả, dù có đi bằng cái đầu xuống dưới đất, họ vẫn làm để được những tham vọng bất lương, những tiền bạc bất nghĩa, quyền cao lộc cả dù phải bán nước cho ngoại bang, những mong tiền bạc đầy túi, vàng ngọc đầy nhà, để lót, để nạm bàn ghế ngồi chơi hưởng thụ trên xương máu của dân đen. Nhưng nơi đây có người *"ngược xuôi"* mà chỉ có để *"nhớ nửa cung*

*đàn"* chưa được trọn *"cung đàn"*. Đơn giản quá ! Tri túc quá ! Biết đủ như là một thân người có chiều cao 1.59 m và cân nặng 39.5 kg. Có mấy ai được cái ngược xuôi đó ? Hay chỉ có kẻ đứng ngoài vòng danh lợi, ngoài cái thị phi, nhân ngã, tầm thường của thế nhân.

Nửa cung đàn ấy như là tiếng ngân dài của cung đàn rồi chợt dứt. Như dòng lịch sử của quê hương dân tộc rớt tòm xuống hố sâu, tối tăm, mịt mờ, tuyệt vọng qua chặng đường lịch sử hôm nay.

Đời sống như là quán trọ, con người đến rồi đi. Sanh rồi tử, muôn trùng, thăm thẳm, vô biên, vô tận. Con người đắm chìm trong cái quán trọ đó mà sinh ra đủ thứ chuyện để làm ngăn nẻo về của những bước chân phương trời viễn mộng. Vậy thì, bị ngăn nẻo về, không về được nên quay lại để sống với mình. Đóng cửa phòng, không tiếp xúc với thế giới bên ngoài, nhịn đói, tuyệt thực. Ngày chỉ uống nước chanh pha đường. Có lúc xỉu trên bàn vì đói. Còn lỡ dở mấy câu thơ :

*"Ta cười kiến đi tìm tiên động*

*Cõi trường sinh đàn bướm dật dờ*

*Cốc và nhái lang thang tìm sống*

*Trong hang sâu con rắn nằm mơ".*

(Giấc Mơ Trường Sơn-An Tiêm, tr. 68, 2002)

Bị ngăn nẻo về nên cười kiến đi tìm tiên động, để tu tiên thành tiên ông. Sống nơi cõi trường sinh bất tử đó, mà vui với bướm ong, cốc nhái, rắn rít trong hang sâu nằm mơ phương trời mộng. Sống thực không được thì sống mộng mơ. Sống cho chính mình. Sống cho qua một giấc chiêm bao tưởng chừng như đã :

*"Đêm qua chiêm bao ta thấy máu*

*Từ sông ngân đổ xuống cõi người*

*Bà mẹ xoi tìm con thành lỗ*

*Móc bên trong hạt ngọc sáng ngời."*

(Giấc Mơ Trường Sơn-An Tiêm, tr. 67, 2002)

**Có bà mẹ nào xoi tìm con thành lỗ để móc bên trong hạt ngọc sáng ngời ?** Chỉ có bà mẹ điên thời đại mới làm như vậy. Bà mẹ điên ấy chỉ biết vàng và ngọc mà không có tình yêu thiêng liêng sinh con và thương con. Bà mẹ điên thời đại đã đẩy đàn con mình lang thang bụi rác rưởi để sinh nhai. **Tim sống trên những vĩa hè cùng khốn. Thất học, mù chữ, đói nghèo...** Còn bà mẹ thì ngắt ngưỡng hưởng thụ ngọc ngà, vòng bạc từ máu của người dân, mà qua đêm chiêm bao



"*ta thấy máu*". Máu nhuộm đỏ con người. Máu tuôn chảy như sông. Máu lan tràn cả nước. Rồi có những đêm ngồi bên cửa sổ, ngắm ngọn nến tàn qua khung cửa sổ để sống mộng, sống mơ y như sống thực.

*"Bên cửa sổ bên kia đời sao mọc*

*Một lần đi là vĩnh viễn con tàu."*

(Giấc Mơ Trường Sơn-An Tiêm, tr. 12, 2002)

Đi đâu bây giờ, vì ai đó đã ngăn nẻo về thì có lối đâu mà về. Có đường đâu mà đi và có quán trọ nào để tới. Nẻo về không. Quán trọ cũng không. Chỉ chôn mình bên chông sách cũ với bốn vách tường rong rêu mà gõ nhịp. Vì sống mộng nên tránh xa cõi người, vào hang động núi rừng để cuộc đất sinh nhai. Trồng bí bầu, khoai lang, mướp đắng, rau quả, tía tô, xả lách... để đêm đêm nằm nghe tiếng dế ní non, côn trùng hát ca bài ca dân tộc.

*"Người đi đâu bóng hình mòn mỏi*

*Nẻo tới lui còn dấu nhạch mờ*

*Đường lịch sử*

*Bốn nghìn năm dọn sóng*

*Để người đi không hẹn bến bờ."*

(Giấc Mơ Trường Sơn-An Tiêm, tr. 85, 2002)

Sống với người bị ngăn nẻo về. Sống thực đã thành mộng và sống mộng để thấy hiện thực, một sự sống vì đời mà tranh đua. Tranh đua, giành giật cả ngày lẫn đêm trên mặt đất hay dưới lòng đất lắng nghe từ sự tan vỡ hải hùng, giết chết sự sống của sức người lao tác.

*"Ta biết mi bỏ rùa*

*Gặm nhắm tàn dây bí*

*Ta vì đời ghanh đua*

*Khổ nhọc mòn tâm trí.*

*Ta biết mi là dế*

*Cắn đứt chân lá non*

*Ta vì đời nô lệ*

*Nên phong kín nổi hờn*

*Ta biết mi là giun*

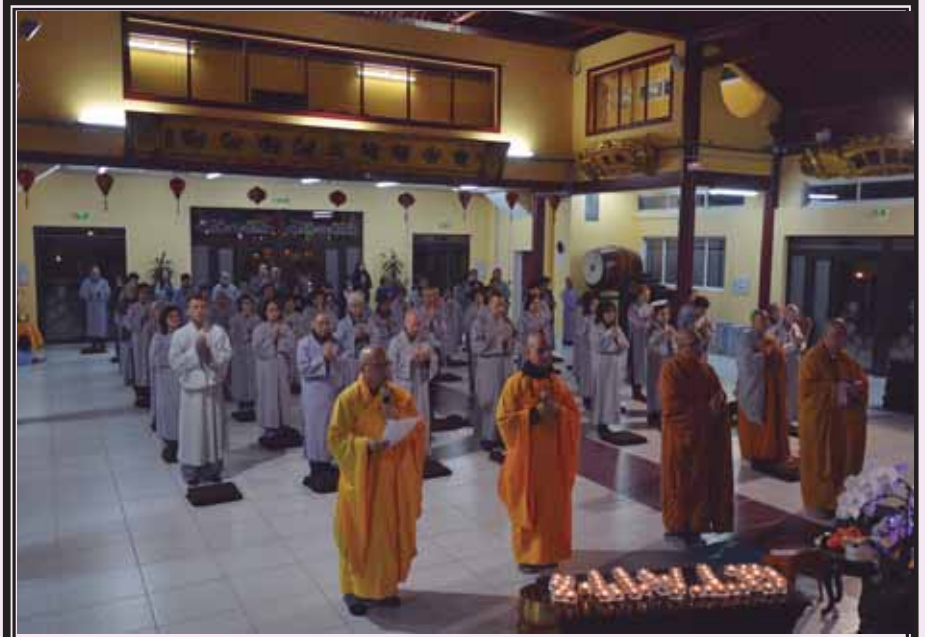
*Chui dưới lòng đất thẳm*

*Ta vì đời thiệt hơn*

*Đêm nằm mơ tóc trắng."*

(Giấc Mơ Trường Sơn-An Tiêm, tr. 31, 2002)

Nổi trôi theo năm tháng, thân hình gầy còm như cọng lau, giữa rừng núi Bảo Lộc, trong đêm trường u tịch, có lúc chẳng thêm thở nữa, nằm giữa núi rừng, dân làng mang về tiếp hơi để thở. Đây là mộng hay thực, là



Chư Tăng Ni và bà con Phật tử hướng về mười phương chư Phật, Quán Thế Âm bồ tát chứng minh lễ Hoa Đăng dâng đèn cúng dường ngày Viá Quan Thế Âm 24/03/17 tại chùa Khánh Anh Evry.

đời sống văn minh thế giới loài người hay đời sống của loài dã thú nơi chốn núi sâu, rừng hiểm ?

Có ai một lần nghĩ tới "*Tiên ông*" để thấy viên ngọc quý của giếng non nước non, mà thấp nén hương lòng khấn nguyện, giữ gìn nghìn năm sau không hề phai. Núi rừng Bảo Lộc như cúi đầu thềm lặng để lắng nghe "*Tiên ông*" cười kiến đi cùng khắp nẻo vô sinh. Lão tử cười trâu thành bất tử. "*Tiên ông*" cười kiến để cùng sinh tử với chúng sinh.

Nguyễn Siêu

San Diego, Mạnh Đông, 5 tháng 1 năm 2017

## *Đôi nét về* **Hòa Thượng** **Thích Tuệ Sỹ**

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, tên thật là Phạm Văn Thương, sinh ngày 15/2/1943 tại tỉnh Pakse, nước Lào, nguyên quán Quảng Bình, Việt Nam.

Từ năm 6 tuổi Thầy đã thọ giới Sa Di ở Huế. Năm 12 tuổi Thầy về Sài Gòn, sau đó trở lại tu học tại chùa Từ Đàm ở Huế, Phật Học Viện ở Nha Trang, rồi về thiền viện Quảng Hương Già Lam tại Gò Vấp. Thầy tốt nghiệp Viện Cao Đẳng Phật Học Sài Gòn năm 1964 và Viện Đại Học Vạn Hạnh năm 1965. Thầy được đặc cách bổ nhiệm Giáo Sư thực thụ Viện Đại Học Vạn

Hạnh năm 1970 nhờ những công trình nghiên cứu và những khảo luận triết học có giá trị rất cao, như **Đại Cương Về Thiên Quán, Triết Học Về Tánh Không**. Thầy rất giỏi về chữ Hán và biết nhiều ngoại ngữ như Anh, Pháp, Đức, thông thạo tiếng Pali và tiếng Phạn.

*Thầy Tuệ Sỹ là một học giả uyên bác về Phật Giáo Nguyên Thủy và Đại Thừa. Thầy làm nhiều thơ, chơi dương cầm, viết một số truyện ngắn đặc sắc. Thầy ở trong Ban Biên Tập của tạp chí Khôi Hành và là chủ bút tạp chí Tư Tưởng của Viện Đại Học Vạn Hạnh.*

Thầy say mê hai bộ kinh Pháp Hoa và Duy Ma Cát, chứa đầy những vị Bồ Tát xả thân vào đời để cứu nhân độ thế. Với những ảnh hưởng cao đẹp của các vị đó, *Thầy Tuệ Sỹ* đã xả thân cứu đời, tích cực tranh đấu ôn hòa cho quyền của con người và bảo vệ Phật Pháp sau khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam từ năm 1975. Và thầy đã trở thành một cái gai trước mắt nhà cầm quyền cộng sản.

Sau năm 1975, Thầy Tuệ Sỹ về Nha Trang làm rẫy. Đến năm 1977 Thầy vào Sài Gòn sống ở chùa Già Lam. Đầu năm 1978, Thầy bị nhà cầm quyền cộng sản bắt giam trong nhà tù cải tạo cho tới đầu năm 1981.

Ba năm sau Thầy lại bị bắt cùng với giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát và 17 tăng ni, si quan cũ của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Trong phiên tòa kéo dài nhiều ngày vào cuối tháng 9 năm 1988, không có luật sư biện hộ, *Cộng Sản Việt Nam đã kết án tử hình hai thầy Tuệ Sỹ và Trí Siêu vì tội âm mưu vô trang lật đổ chính quyền qua việc lập ra tổ chức Mặt Trận Nhân*

**Quyền Việt Nam. Chùa Già Lam bị công an vây bắt người, tịch thu tài sản.**

Nhờ sự tranh đấu tích cực của các cơ quan nhân quyền quốc tế, Hà Nội phải giảm án xuống còn chung thân khổ sai. Tháng 10, 1994, cùng với 200 tù nhân, Thầy tham gia biểu tình đòi gặp phái đoàn Liên Hiệp Quốc và đòi hỏi các quyền khác, nên bị Cộng Sản đày ra Bắc. Thượng Tọa Tuệ Sỹ đã được tổ chức Human Rights Watch trao giải thưởng tranh đấu cho nhân quyền Hellman-Hammet Awards ngày 3 tháng 8, 1998.

Năm 1998, Hà Nội phóng thích thầy cùng với một số người khác. Trước khi thả, nhà cầm quyền Cộng Sản yêu cầu Thầy ký vào lá đơn xin khoan hồng để gửi lên Chủ tịch Trần Đức Lương. Thầy trả lời, "Không ai có quyền xét xử tôi, không ai có quyền án xá tôi." Công an nói không viết đơn thì không thả, Thầy không viết và tuyệt thực. Cuối cùng Hà Nội đã phải phóng thích Thầy sau 10 ngày tuyệt thực.

Tháng 4 năm 1999, Hòa Thượng Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, đề cử Thầy Tuệ Sỹ làm Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo. Ngày 14-9-1999 Công An bắt Thầy lên trụ sở làm việc về "những hành động phạm pháp" phát hiện trong máy vi tính của Thầy bị tịch thu. Thầy Tuệ Sỹ phản đối những lời vu cáo của Công An trong khi bị thẩm vấn.

Với trách nhiệm Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Thầy Thích Tuệ Sỹ hiện nay là một trong những nhà lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, là người đóng góp rất nhiều cùng với nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ trong công cuộc đấu tranh đòi quyền tự do tôn giáo tại Việt Nam.

Trong mấy năm gần đây, Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã rời chùa Già Lam, lên sống ở Lâm Đồng. Hay như lời viết của Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu (ở San Diego) trong một bài viết đầu năm 2017 : "Tuệ Sỹ - Người gầy trên quê hương điêu tàn. Tuệ Sỹ - Người ẩn mình dưới lòng hồ thẳm hun hút, Tuệ Sỹ - Trên đỉnh Trường Sơn chót vót sương mù, mây trắng. Những hình dung từ tiêu biểu cho một con người như còn lảng vảng đâu đó, nấu mình trong khói đá. Ẩn hiện trên khói sóng. Nhấp nhò trên những lượng nước bạc đầu của đại dương. Hiện hiện trên quê hương điêu tàn. Núp sâu trong lòng người khốn khó. Ngày cũng như đêm luôn có ở những nơi đó. Có như một linh hồn mục nát, đọa đày giữa muôn triệu linh hồn đau thương, gầy guộc. Luôn kêu gào thấu trời xanh, nhưng

những kẻ quyền uy tham vọng ở nơi đó vẫn bịt tai, nhắm mắt như loài khỉ nhảy nhót trên cành cây vô lương tri. Như bày thú hoang dẫm nát núi rừng nơi chúng ở."

(Trích từ Hoa Vô Ưu, Trẻ Online, và nguyệt san Chánh Pháp)

## Hòa Thượng nói không sai !

"Các con lớn lên trong thời đại thanh bình, nhưng các con lại bị ném vào giữa một xã hội mất hướng. Quê hương và đạo pháp là những mỹ từ thân thương nhưng đã trở thành sáo rỗng. Các bậc cao tăng thực đức, một thời đã đánh thức lương tâm nhân loại trước cuộc chiến hung tàn, đã giữ vững con thuyền đạo pháp trong lòng dân tộc; nay chỉ còn lại bóng mờ, và quên lãng."

"Chớ khoa trương bảo vệ Chánh Pháp, mà thực tế chỉ là ôm giữ chùa tháp làm chỗ ẩn núp cho Ma Vương, là nơi tụ hội của cận bã xã hội. Chớ hờ hào truyền pháp giảng kinh, thực chất là mượn lời Phật để xu nịnh vua quan, cầu xin một chút ân huệ dư thừa của thế tục, mua danh bán chức."

Thích Tuệ Sỹ

## Câu chuyện Phật Đản Sinh

(tiếp theo trang 7)

sinh một cách xác đáng, Ngài sẽ dạy cho con người phương cách xây dựng bản thân, gia đình và xã hội được có hạnh phúc đẹp tươi, cao hơn là giác

ngộ sự thật của muôn vật, và giải thoát mọi ưu phiền do vô minh, tham ái chấp trước và sinh tử luân hồi. Giải giảng đến đây thì Ngài A Tu Đà ứa nước mắt vì Ngài biết sẽ không thể sống để được nhìn thấy thái tử Sĩ Đạt Đa thành Phật, Ngài căn dặn cháu trai là Nalaka nhớ rằng về sau phải làm đệ tử của đức Phật tương lai này. Tịnh Phạn Vương muốn đổi số mệnh của con thái tử, nên đặt tên cho Thái tử là Tất Đạt Đa (Siddhartha) theo tiếng Phạn, nghĩa là : "Kẻ sẽ giữ chức vị mà mình phải giữ".

Đản Sinh của đức Phật là sự kiện lịch sử. Đức Phật thuộc dòng dõi Kiều Thi Ca (Gotama), là hệ gia phả kết hợp giữa dòng Sư tử thành Ca Tỳ La vệ và vương quốc Câu Ly láng giềng - Tịnh Phạn vương cưới hai chị em ruột công chúa nước Câu Ly là hoàng hậu Maya và thứ phi Ma Xà Ma Đề, sau này là kế mẫu của thái tử.

Lịch sử đã ghi nhận sự hiện hữu của đức Phật trên thế gian này cách nay hơn 25 thế kỷ : Đó là một nhân vật có thật trong lịch sử nhân loại.

### Quảng Tuệ Tống Phước Hiến

- Nguồn tham khảo : - <https://vi.wikipe dia.org/wiki/Nepal>

- [www.hanhhuong.net/index\\_files/Page2314](http://www.hanhhuong.net/index_files/Page2314)

- [quangduc.com/a45624/01-thanh-ca-ty-la-ve](http://quangduc.com/a45624/01-thanh-ca-ty-la-ve)

- Các bộ Tự Điển và Kinh sách Phật Giáo

- Các trang web Phật học, của các tổ chức Phật Giáo và cá nhân các nhân sĩ, Phật tử nghiên cứu Phật Giáo

- Các bài viết chuyển trên các phương tiện đại chúng.



Chú Tăng Ni và bà con Phật tử kính hành niệm đức hồng danh Quán Thế Âm Bồ tát, lễ Hoa Đăng dâng đèn cúng dường ngày Vía Quan Thế Âm 24/03/2017 tại chùa Khánh Anh